

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 297 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 22 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Công trình: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.632,
đoạn từ Km0+00 – Km7+100.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2020/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án Sửa chữa, nâng cấp mở rộng các tuyến đường tỉnh, tuyến quốc lộ 19B (đoạn Sân bay Phù Cát – Bảo tàng Quang Trung) và tuyến đường địa phương kết nối Quốc lộ 1, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.632, đoạn từ Km0+00 – Km7+100;

Căn cứ Thông báo số 240/TB-KVIII ngày 06/7/2024 của Kiểm toán nhà nước Khu vực III về kết quả kiểm toán tại Sở Giao thông vận tải Bình Định (trong đó có kiểm toán công trình Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.632, đoạn từ Km0+00 – Km7+100);

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 37/TTr-STC ngày 21/01/2025 và đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 151/TTr-SGTVT ngày 26/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, với nội dung chính như sau:

- Tên công trình: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.632, đoạn từ Km0+00 – Km7+100.
- Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải.
- Địa điểm thực hiện: Huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.
- Thời gian khởi công - hoàn thành:
- + Được phê duyệt: 2021-2023;
- + Theo Hợp đồng: 06/9/2021 - 31/3/2023;

+ Theo thực tế nghiệm thu, bàn giao, đưa vào sử dụng: 06/9/2021 – 21/4/2023.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư

Đơn vị tính: đồng.

TT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
<u>Tổng công chi phí</u>		<u>44.728.823.000</u>	<u>42.822.509.000</u>
I	Bồi thường, giải phóng mặt bằng		0
II	Xây dựng + thiết bị	40.847.723.000	39.217.173.000
1	Xây dựng	40.847.723.000	39.217.173.000
2	Thiết bị		0
III	Quản lý dự án	855.111.000	855.111.000
IV	Tư vấn đầu tư xây dựng	2.085.881.000	1.963.048.000
1	Chi phí khảo sát bước lập Báo cáo NCKT	394.896.000	372.543.000
2	Chi phí lập nhiệm vụ KS bước lập Báo cáo NCKT	11.854.000	
3	Chi phí giám sát KS bước lập Báo cáo NCKT	14.627.000	
4	Chi phí lập BCNCKT	165.975.000	165.975.000
5	Chi phí TKBVTC-DT	494.373.000	494.373.000
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng	1.004.156.131	930.157.000
V	Chi phí khác	797.432.000	787.177.000
1	Phí thẩm định TKBVTC	15.620.126	15.620.000
2	Phí thẩm định dự toán	15.075.238	15.075.000
3	Chi phí lập HSMT thi công	37.557.404	37.557.000
4	Chi phí đánh giá HSDT thi công XD	37.557.404	37.557.000
5	Chi phí lập HSMT TV lập Báo cáo NCKT	1.000.000	1.000.000
6	Chi phí đánh giá HSDT TV lập Báo cáo NCKT	1.000.000	1.000.000
7	Chi phí lập HSMT TVGS	1.000.000	1.000.000
8	Chi phí đánh giá HSDT TVGS	1.000.000	1.000.000
9	Chi phí thẩm định HSMT TVGS	1.000.000	1.000.000
10	Chi phí thẩm định kết quả LCNT TVGS	1.000.000	1.000.000
11	Chi phí thẩm định HSMT TV lập BCNCKT	1.000.000	1.000.000

12	Chi phí thẩm định kết quả LCNT TV lập Báo cáo NCKT	1.000.000	1.000.000
13	Chi phí thẩm định HSMT thi công	18.778.702	18.778.000
14	Chi phí thẩm định kết quả LCNT thi công	18.778.702	18.778.000
15	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	145.163.434	159.155.000
16	Phí thẩm định dự án	3.465.000	3.465.000
17	Phí Tài nguyên		
18	Chi phí Hạ tầng trạm trộn	89.860.000	89.860.000
19	Chi phí đảm bảo GT	72.496.000	72.496.000
20	Chi phí cầm cọc GPMB	310.837.054	310.836.000
21	Chi phí kiểm tra nghiệm thu	24.242.000	
VI	Chi phí dự phòng	142.676.000	

2. Vốn đầu tư

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

Nội dung	Vốn kế hoạch được giao	Thực hiện			
		Giá trị quyết toán phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân	Số vốn phải thu hồi
Tổng số	44.206.832	42.822.509	42.867.051	159.155	203.697
Vốn sự nghiệp kinh tế:	44.206.832	42.822.509	42.867.051	159.155	203.697
Vốn ngân sách nhà nước:	44.206.832	42.822.509	42.867.051	159.155	203.697
Vốn ngân sách địa phương:	44.206.832	42.822.509	42.867.051	159.155	203.697
<i>Vốn ngân sách tỉnh</i>	<i>44.206.832</i>	<i>42.822.509</i>	<i>42.867.051</i>	<i>159.155</i>	<i>203.697</i>

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số			42.822.509	42.822.509
Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			42.822.509	42.822.509
Tài sản ngắn hạn				

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản

- a. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.
- b. Chi phí không tạo nên tài sản: không.

5. Vật tư, thiết bị tồn đọng: Số lượng 2.000 kg thép Φ6 - Φ8 và 8.500 kg thép Φ10 - Φ25 (*đã qua sử dụng*): Chủ đầu tư đã tổ chức bán thanh lý theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ và nộp tiền vào tài khoản tạm giữ của Sở Tài chính mở tại Kho bạc Nhà nước Bình Định theo quy định.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan.

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư: Được phép tắt toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng.

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	42.822.509.000	
Vốn từ Ngân sách nhà nước: Trong đó:	42.822.509.000	
1. Vốn đã bố trí :	42.867.051.000	
- <i>Vốn ngân sách tỉnh (Vốn sự nghiệp kinh tế)</i>	42.867.051.000	
- <i>Vốn ngân sách huyện:</i>		
2. Vốn đã thu hồi:	203.697.000	
3. Vốn chưa bố trí:	159.155.000	
- <i>Vốn ngân sách tỉnh</i>	<i>159.155.000</i>	
- <i>Vốn ngân sách huyện:</i>		

Các khoản công nợ tính đến ngày nộp báo cáo quyết toán (26/12/2024) là:

- Tổng nợ phải thu:
- Tổng nợ phải trả (*Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán*): 159.155.000 đồng.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản.

Đơn vị tính: đồng.

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
Sở Giao thông vận tải	42.822.509.000	

Điều 4. Đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Phù Mỹ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /s/

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19. /s/

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng